

Bản án số: 1171/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-8-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Liên.
- Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Như Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1179/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 210/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Trịnh Đ**, sinh năm 1989.

Thường trú: 276/32/38 **B**, phường **B**, quận **B**, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ông **Đ** có đơn xin vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Bà **Phạm Thị T H**, sinh năm 1986.

Thường trú: **D** ấp **Đ**, xã **B**, huyện **H**, Thành phố Hồ Chí Minh.

(bà **H** vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông **Trịnh Đ** trình bày:

Ông **Đ** và bà **H** tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 177/2019 ngày 01 tháng 8 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân phường **B**, quận **B**, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bên nhà chồng tại 2 đường B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn về tiền bạc, một phần trước khi kết hôn với ông, bà H đã có con riêng nên cả hai không có tiếng nói chung, các mâu thuẫn thường xuyên diễn ra và ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 đến nay.

Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng khó hàn gắn, bản thân ông không còn yêu thương, không còn muốn chung sống với bà H. Do đó, ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Phạm Thị H để ông sớm ổn định lại cuộc sống.

- Về con chung: 01 con chung tên Trịnh Tiến Đ1, sinh ngày 05/10/2019. Con chung hiện nay đang ở tại địa chỉ 2 B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cùng ông và do ông trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, ông Đ yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trẻ Đ1 trưởng thành tròn 18 tuổi. Ông Đ không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Trịnh Đ có đơn xin vắng mặt.

* Bị đơn bà Phạm Thị H đã được Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn triệu tập họp lệ đến Tòa án và tổng đạt họp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trịnh Đ khởi kiện ly hôn với bà Phạm Thị H, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bà Phạm Thị H là bị đơn hiện đang cư trú tại huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy

định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn ông **Trịnh Đ** có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn bà **Phạm Thị H** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông **Trịnh Đ** và bà **Phạm Thị H** tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 177/2019 ngày 01/8/2019 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày của ông **Đ** thì trong quá trình chung sống, giữa hai bên có nhiều mâu thuẫn, cãi vã, không có tiếng nói chung. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 đến nay.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà **H** đến Tòa án để tiến hành hòa giải cho hai bên nhưng bà **H** vắng mặt không lý do. Điều đó thể hiện bà **H** không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân với ông **Đ**. Mặt khác, ông **Đ** trình bày không còn yêu thương, không còn muốn chung sống với bà **H**, kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hôn nhân giữa ông **Đ** và bà **H** lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông **Trịnh Đ** là phù hợp.

[4] Về con chung: 01 con chung tên **Trịnh Tiến Đ1**, sinh ngày 05/10/2019. Căn cứ xác nhận của Công an phường B thì có cơ sở xác định trẻ **Đ1** hiện nay đang ở cùng ông **Đ**. Sau khi ly hôn, ông **Đ** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trẻ **Đ1** trưởng thành tròn 18 tuổi. Để ổn định tâm sinh lý, đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho ông **Đ** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông **Trịnh Đ** không yêu cầu bà **Phạm Thị H** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm : Án phí ly hôn do ông **Trịnh Đ** chịu theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông **Trịnh Đ** và bà **Phạm Thị H**.
2. Về con chung: Giao con chung **Trịnh Tiến Đ1**, sinh ngày 05/10/2019 cho ông **Trịnh Đ** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ **Đ1** trưởng thành tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông **Trịnh Đ** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do ông **Trịnh Đ** chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004266 ngày 14/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS H. Hóc Môn;
- UBND phường Bình B, quận B
(Giấy chứng nhận kết hôn số
177/2019, ngày 01/8/2019);
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**